

Số: 88 /2026/QĐST-DS

Nghệ An, ngày 18 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 120/2026/TLST – DS ngày 28 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (viết tắt V1)

Địa chỉ: Tầng A và Tầng B tòa nhà S - A P, phường S (phường B, quận A cũ), thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh H, chức vụ: Giám đốc THN và XLN Vùng – Vùng bắc trung bộ theo Giấy ủy quyền số 377332.25 ngày 25/11/2025

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị P, cán bộ ngân hàng V1. CCCD: 040100038687

Địa chỉ liên hệ: Tầng A Tòa nhà P, số C đường M, phường V, Nghệ An

- Bị đơn: Anh Nguyễn Cảnh S, sinh năm 1994; CCCD: 040094029465.

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992. CCCD: 040192018013

Địa chỉ: Thôn B (thôn A Q cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Cảnh D, sinh năm 1980. CCCD: 040080019424

2. Chị Phan Thị N, sinh năm 1983. CCCD: 040183030551

Địa chỉ: Thôn B (thôn A Q cũ), xã Q, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Cảnh S, chị Nguyễn Thị T thống nhất trả nợ cho ngân hàng TMCP Q (V1) tạm tính đến ngày 10/9/2026 là 2.832.441.931đ (Hai tỷ tám trăm ba mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn chín trăm ba mươi một đồng). Trong đó: theo hợp đồng tín dụng số 1040384.24 ngày 15/11/2024 nợ gốc: 2.500.000.000 đồng; nợ lãi 80.113.906 đồng; nợ lãi quá hạn 136.284.626 đồng; Và tổng nợ thẻ tín dụng 116.043.399 đồng (trong đó: nợ gốc 69.049.465 đồng; nợ lãi 23.875.173 đồng và phí 23.118.761 đồng). Theo lộ trình như sau: Trước 05/10/2026 trả 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); hàng tháng (tháng 11, tháng 12 năm 2026, tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2027 mỗi tháng trả 100.000.000 đồng = 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng); đến ngày 10/4/2027: trả toàn bộ số tiền gốc còn lại 1.769.049.000 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu không trăm bốn mươi chín nghìn đồng) và lãi phát sinh đến thời điểm ngày 10/4/2027 theo hợp đồng tín dụng số 1040384.24 ngày 15/11/2024.

Trường hợp không trả được nợ theo lộ trình, thì anh S chị T thống nhất phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 107, tờ bản đồ số: 17, địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An (Nay là Thôn B, xã Q, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DB 715995, Số vào sổ cấp GCN: CS 02547 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 15/10/2021 đứng tên Nguyễn Cảnh S và Nguyễn Thị T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1534841.22 ký ngày 11/07/2022, số công chứng: 6713/2022, 02TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, địa chỉ: K, Thị trấn D, huyện D, Nghệ An công chứng ngày 11/07/2022.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 10/9/2026, anh Nguyễn Cảnh S và chị Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất của số tiền chưa thanh toán cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo các điều khoản đã ký theo Hợp đồng tín dụng số 1040384.24 ngày 15/11/2024. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu sau khi thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q còn dư thì anh Nguyễn Cảnh S và chị Nguyễn Thị T được nhận số tiền dư đó.

Nếu tiền xử lý tài sản thế chấp sau khi thanh toán vẫn chưa thanh toán hết nghĩa vụ được bảo đảm thì bên vay vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán đối với phần nghĩa vụ bảo đảm còn thiếu cho ngân hàng TMCP Q.

Nếu anh Nguyễn Cảnh S và chị Nguyễn Thị T thực hiện việc trả tiền đúng, đủ theo Quyết định này thì ngân hàng phải trả lại cho anh Nguyễn Cảnh S và chị Nguyễn Thị T chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 715995, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 02547 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh N cấp ngày 15/10/2021 đứng tên Nguyễn Cảnh S và Nguyễn Thị T.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Cảnh S và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận trả cho Ngân hàng TMCP Q chi phí tố tụng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

- Về án phí: Anh Nguyễn Cảnh S và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận chịu cả án phí dân sự sơ thẩm 44.324.000đ (Bốn mươi bốn triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho ngân hàng TMCP Q (V1) số tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp là 42.439.000đ (Bốn mươi hai triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003120 ngày 24/4/2026 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự.
- VKS khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THA Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nghệ